
Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2018
*Tranh chấp V/v Ly hôn, nuôi con
sau khi ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Thế Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuận- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc “*Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương- *Vắng mặt.*

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1963 là bố đẻ anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/11/2017, biên bản lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn

Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 15/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn tại nhà bố mẹ chồng ở xã Đ (Bố mẹ sống ở nhà trên, vợ chồng ở nhà dưới). Sau đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc mà luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chịu làm, không quan tâm gia đình, thích chơi bài bạc, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng đều bị anh đánh đập. Bố mẹ chồng lại bênh con trai, đối xử miệt thị với chị. Khoảng một đêm cuối tháng 11/2016 anh Đ gọi người đến nhà chơi bài, thấy mọi người tụ tập chơi bài, chị có nói “không được tụ tập chơi bài bạc ở nhà, vì nhà này có nề nếp, không phải là nơi chứa bạc”. Nghe thấy vậy, anh đã chửi chị và nói “Mày là vợ tao hay là mẹ tao” rồi tiếp tục đánh bài với bạn bè, chị phải gọi bố mẹ chồng về mới giải tán được. Sau đó, anh đã gọi điện cho mẹ để chị bảo “Con không dậy được vợ con, con gửi vợ con về cho bố mẹ, bố mẹ dậy dỗ hộ con” rồi bóp cổ chị, vì là đêm chị không nhờ ai can thiệp được, sáng hôm sau khi chị đang bế con trong nhà, anh Đ còn lấy giấy tây ném vào đầu chị. Chị cho rằng, đã đi làm dâu nơi đất khách quê người, lại bị chồng đánh đập, hành hạ và đã nhẫn nhịn chịu đựng nhiều mong gia đình hạnh phúc, mong anh Đ thay đổi, nhưng anh càng ngày càng quá đáng, nên đến sáng ngày 03/12/2016 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Tuyên Quang sinh sống, khi đi chị không mang theo con được vì bố chồng giữ lại. Sau khi về Tuyên Quang thì mẹ chồng gọi điện chửi bố mẹ chị và nói trả chị cho bố mẹ đẻ dậy dỗ. Kể từ ngày đó vợ chồng đã chấm dứt quan hệ, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Chiến V, sinh ngày 30/11/2014, hiện đang ở với bố và ông bà nội. Khi anh chị ly hôn chị có nguyện vọng, có đủ điều kiện (làm công nhân thu nhập 8 triệu đồng/tháng) nuôi con và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng. Trường hợp anh Đ muốn trực tiếp nuôi con, chị cũng nhường cho anh Đ nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa ngày hôm nay, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, lấy lời khai, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ, nhưng anh Đ vẫn không tới Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là chị Trần Thị H. Do vậy, Tòa án đã niêm yết hợp pháp các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật.

Do anh Đ không thể hiện quan điểm, nên Tòa đã xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh Đ như sau:

Trưởng thôn, Chi Hội phụ nữ thôn Đ cung cấp: Chị H, anh Đ kết hôn vào khoảng năm 2012 tại xã Đ. Sau kết hôn vợ chồng sống tại nhà của bố mẹ chồng là ông Đ1 và bà N, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu

thuần căng thẳng nhất là vào năm 2016, sau một lần chị H can ngăn anh Đ chơi đánh bạc, anh chị đã xung đột chị đã báo cáo trưởng thôn can thiệp. Tuy nhiên, chính quyền đoàn thể đã hòa giải nhiều lần nhưng không có tác dụng gì, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra, nên chị H đã bỏ về Tuyên Quang sinh sống. Nay chị H xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Bố mẹ đẻ anh Đ khai: Sau ngày kết hôn, vợ chồng ăn ở chung cùng ông bà đến ngày 01/11/2016 ông bà cho vợ chồng anh Đ, chị H ăn riêng. Đến tối ngày 05/11/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H đã điện thoại cho ông bà nói bị anh Đ đánh đập. Ông bà đã động viên, khuyên giải vợ chồng, nhưng chị H không nghe mà bỏ đi. Không những gia đình mà địa phương (thôn) cũng đã hòa giải, hai gia đình thông gia cũng đã nói chuyện phân tích, chi hội phụ nữ cũng đã hòa giải nhưng không thành, mà chị H vẫn cương quyết ly hôn anh Đ. Do gia đình ông bà theo đạo Thiên chúa, không bao giờ ly hôn, còn việc chị H cương quyết xin ly hôn, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của chị H. Hiện nay anh Đ vẫn đang sống chung cùng ông bà, nên tất cả các biên bản tố tụng của Tòa tổng đạt cho anh Đ, ông bà đều đã giao trực tiếp tận tay anh Đ, anh Đ nói quan điểm cho ông bà là: Anh đồng ý ly hôn với chị H, đề nghị Tòa giải quyết ly hôn, còn anh Đ là người theo đạo Thiên chúa, không ra tòa ly hôn, chị H muốn giải quyết thì đề nghị Tòa giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Về con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Chiến V, sinh ngày 30/11/2014 hiện đang ở với anh Đ và ông bà nội, ông bà hết sức tạo điều kiện về việc chăm sóc cháu V. Về tài sản anh không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết là không chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đề nghị giải quyết cho ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu V cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng anh Đ, mỗi tháng 01 triệu đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/9/2018 đến khi con chung trưởng thành; về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Kim Thành, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã cố ý nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu xin ly hôn:* Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Kim Thành ngày 15/11/2012 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của những người làm chứng, cung cấp của ban ngành đoàn thể địa phương nơi vợ chồng nơi cư trú là có đủ cơ sở để xác định vợ chồng chị H, anh Đ chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do việc anh Đ không quan tâm thương yêu vợ con, gia đình, thường xung đột, đánh đập vợ khi tụ tập đánh bài tại nhà nhiều lần, gây áp lực tinh thần trong cuộc sống hàng ngày đối với chị, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Chính quyền địa phương, ban ngành đoàn thể đã nhiều lần phân tích, hòa giải không thành, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, gia đình hai bên đã khuyên giải, động viên nhưng không được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Tuyên Quang sống ly thân với anh từ hơn hai năm nay, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau, khi ly hôn tòa đã triệu tập hòa giải, nhưng anh không đến thể hiện quan điểm bỏ mặc việc chị xin ly hôn tại Tòa, là đủ cơ sở xác định tình trạng vợ chồng như vậy là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Trên cơ sở thực tế cuộc sống hiện nay của cháu V, của vợ chồng, ý kiến của ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và gia đình anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: việc duy trì cháu V tiếp tục sống với bố và ông bà nội là đảm bảo cuộc sống bình thường, không làm xáo trộn, gây ảnh hưởng tâm sinh lý của cháu. Do vậy, giao cháu V cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H đóng góp nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 01 triệu đồng kể từ ngày 01/9/2018 đến khi con chung trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản, công nợ chung:* Anh Đ, chị H đều không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị Hải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 35; Điều 39; Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử về tình cảm vợ chồng:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H.

Xử cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

3. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Chiến V, sinh ngày 30/11/2014 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2018 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 01 triệu đồng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/9/2018 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Hải đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2016/0000725 ngày 01/02/2018, chị H còn phải nộp 300.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày. Đối với nguyên đơn thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng